

Bản án số: 34/2026/DS-ST
Ngày: 05-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Đức và bà Phạm Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2025/TLST-DS, ngày 19 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thái Hoàng T, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp A, xã A, tỉnh An Giang. *Có mặt*

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982 và chị Huỳnh Hồng G; địa chỉ: Ấp A Chợ, xã A, tỉnh An Giang. *Vắng mặt lần 02 không lý do.*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp A, xã A, tỉnh An Giang. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Vào tháng 01 năm 2023 ông T có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T1, chị Huỳnh Hồng G mượn số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng). Nhưng đến nay anh T1, chị G không trả. Nay yêu cầu anh T1, chị G trả lại 55.000.000 đồng.

Tại phiên toà ông T trình bày: Trước đây vợ chồng ông T có chuyển nhượng cho vợ chồng anh T1, chị G phần đất phía mé sông trước nhà ông T. Vợ chồng anh T1, chị G cất nhà ở và kinh doanh thu mua hải sản. Anh T1, chị G nhiều lần kệt tiền nên có hỏi mượn tiền của vợ chồng ông T. Ngày 10/01/2023 mượn 55.000.000 đồng và làm giấy hẹn trong 01 năm. Nhưng đến nay vẫn không trả, anh T1 đi nơi khác làm ăn, thỉnh thoảng có kêu người đóng cua, ghe gửi đi. Nay yêu cầu anh T1, chị G trả lại cho vợ chồng ông số tiền đã mượn 55.000.0000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

[2]- Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 và chị Huỳnh Hồng G vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

[3]- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Tiền cho mượn là của vợ chồng bà, thống nhất như lời trình bày của ông T, yêu cầu anh T1, chị G trả lại cho vợ chồng bà số tiền đã mượn 55.000.0000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

[4]- Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Toà án triệu tập họp lệ 02 lần để tham gia phiên toà nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông T, bà H, buộc bị đơn trả số tiền vay 55.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông T, bà H có cho anh T1, chị G vay tiền, nay xảy ra tranh chấp nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng không ai thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Anh T1, chị G đã được Toà án triệu tập họp lệ (bằng hình thức niêm yết văn bản) để hoà giải và tham gia phiên toà nhưng đều vắng mặt nên vụ án không hoà giải được theo Điều 207 và Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T1, chị G.

[2] Ông T khởi kiện yêu cầu anh T1, chị G trả cho vợ chồng ông số tiền 55.000.000 đồng, có cung cấp tài liệu, chứng cứ là giấy mượn nợ ghi ngày 10/01/2023, số tiền 55.000.000 đồng, thời hạn một năm.

Ông T yêu cầu có cung cấp tài liệu, chứng cứ, phía bị đơn không có ý kiến phản đối nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết, sự kiện có thật.

Về trách nhiệm trả nợ: Khi vay tiền anh T1 và chị G đang sống chung, có con chung, cùng kinh doanh thu mua hải sản; theo ông T trình bày cả anh T1 và chị G trực tiếp nhận tiền. Do đó, xác định trách nhiệm trả nợ là anh T1, chị G cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Số tiền vay là tiền chung của ông T, bà H nên cần buộc trả cho ông T, bà H.

Từ phân tích nêu trên, thấy rằng yêu cầu của ông T, bà H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc buộc anh T1, chị G cùng liên đới trả cho ông T, bà H số tiền 55.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là: 55.000.000 đồng x 5% = 2.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 288, 463, 466, 468, của Bộ luật Dân sự; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Thái Hoàng T, bà Nguyễn Thị Hồng H đối với anh Nguyễn Văn T1, chị Huỳnh Hồng G. Buộc anh Nguyễn Văn T1 và chị Huỳnh Hồng G cùng liên đới trả cho ông Thái Hoàng T và bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi trên số nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn T1 và chị Huỳnh Hồng G cùng liên đới chịu án phí sơ thẩm là 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận